CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Ngày 15/01/2024	14,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.0%	-	-

DT thuần
Q4/23
23.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.20| -18.0%
YoY: ▲ 12.3| 106%

LN thuần
Q4/23
0.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.83| -65.1%
YoY: ▲ 5.52| 122%

LN sau thuế
Q4/23
1.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.75| -62.2%
YoY: ▲ 5.23| 125%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
5.0%
YoY: +/-▲ 45.8%

ROE
2023
11.3%
YoY: +/-▲ 45.7%

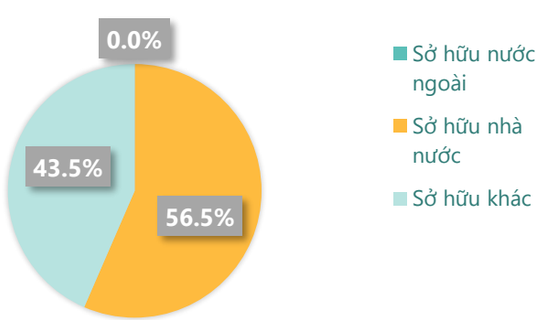
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	119
Số lượng CPLH (CP)	7,999,937
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.08
EPS	602
P/E	28.8

DT thuần
2023
100
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 59.3| 146%

LN thuần
2023
4.96
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.9| 129%

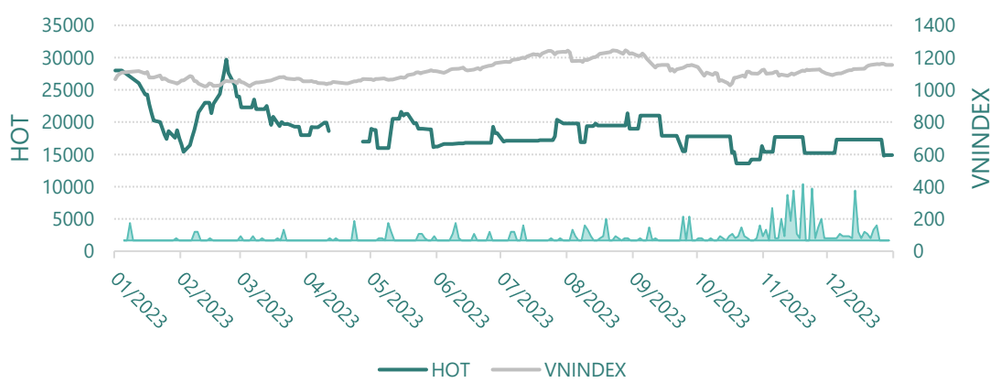
LN sau thuế
2023
4.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.5| 129%

Cơ cấu sở hữu

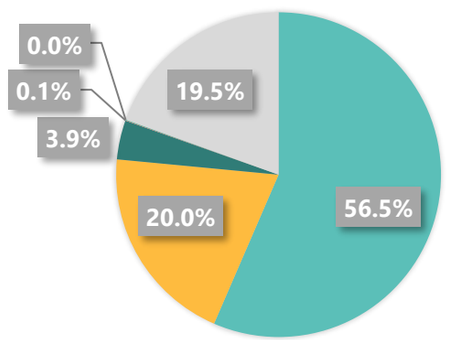


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



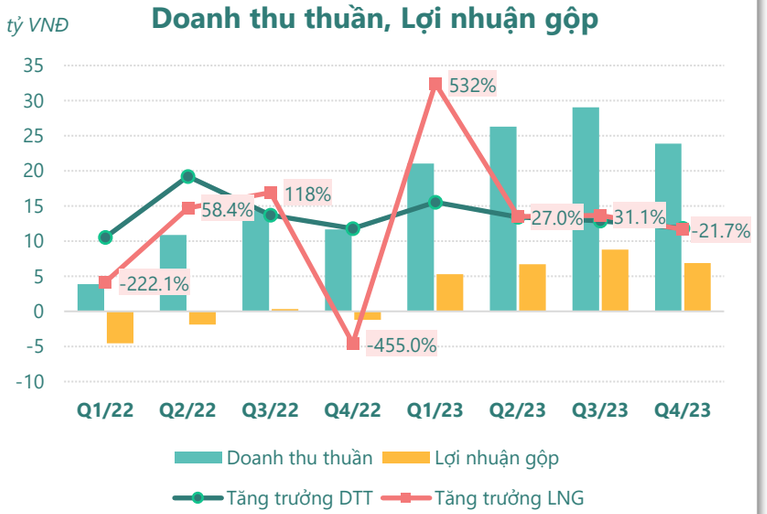
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

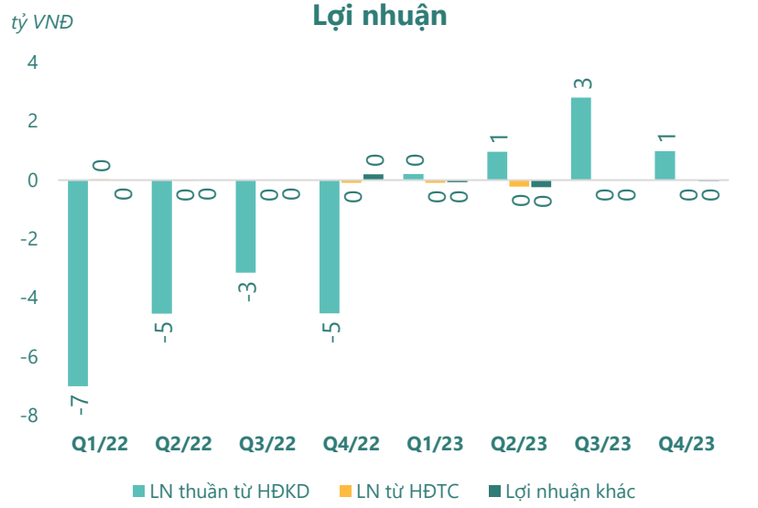
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



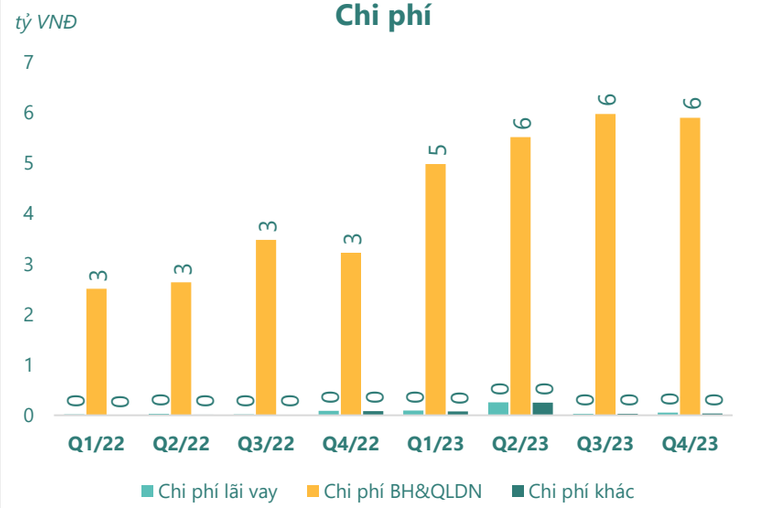
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



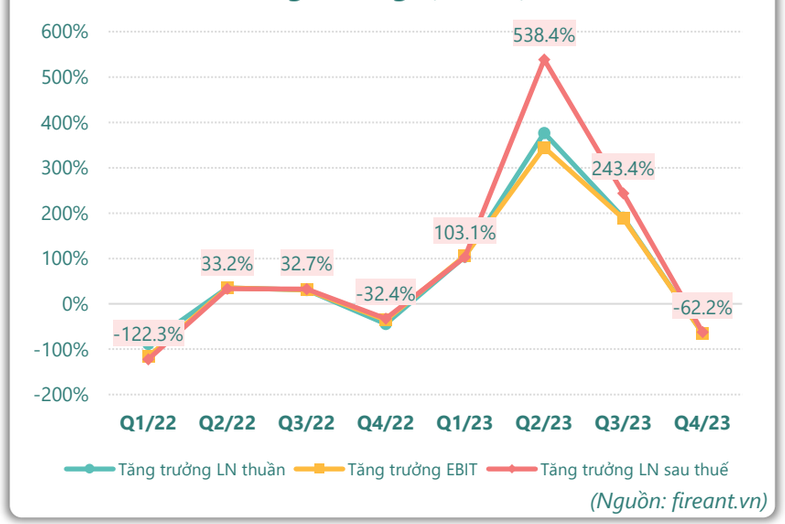
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



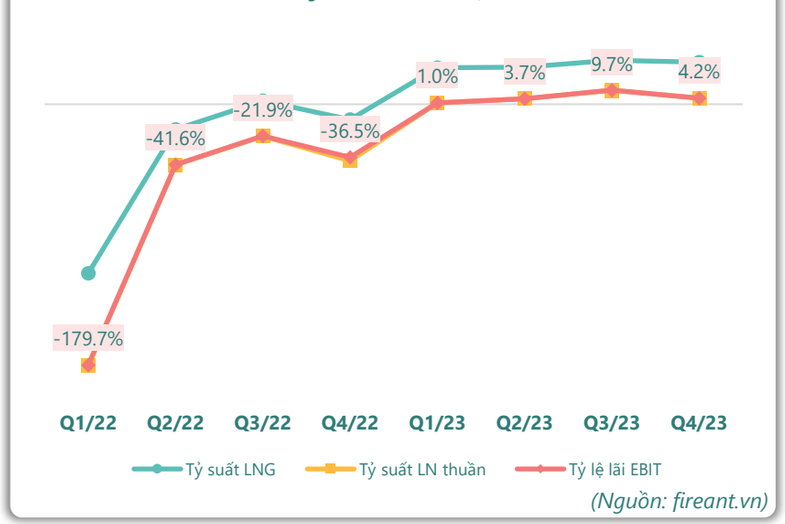
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



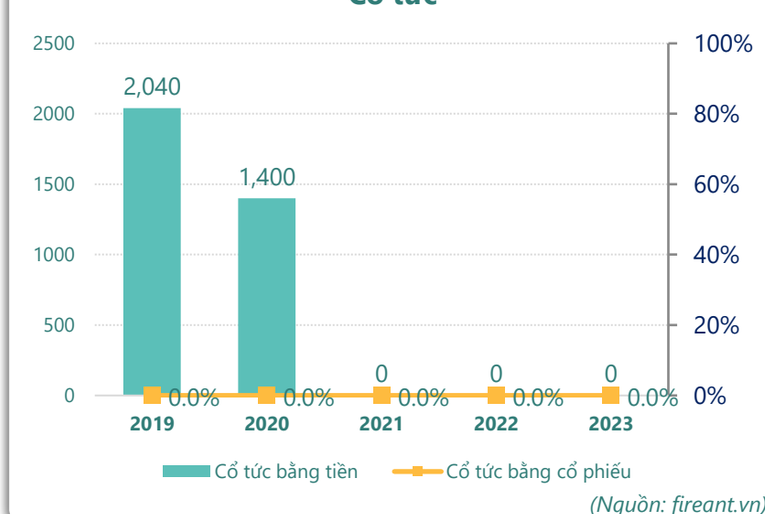
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

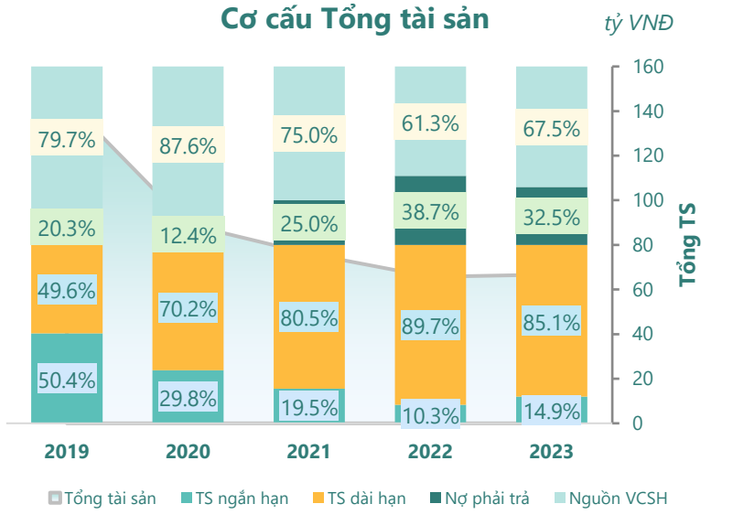
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

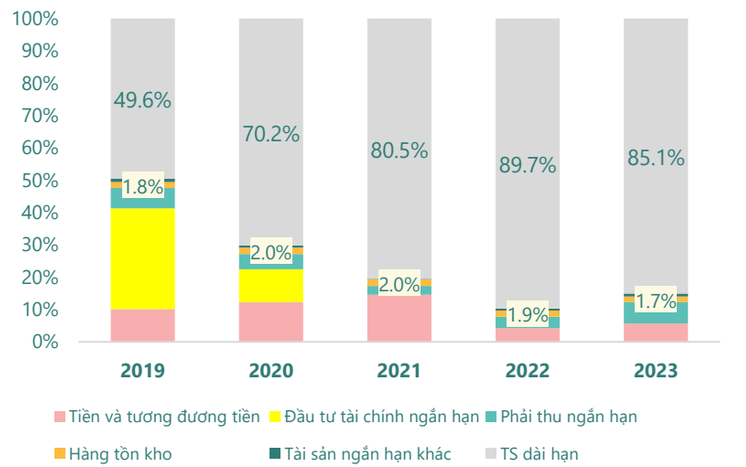
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



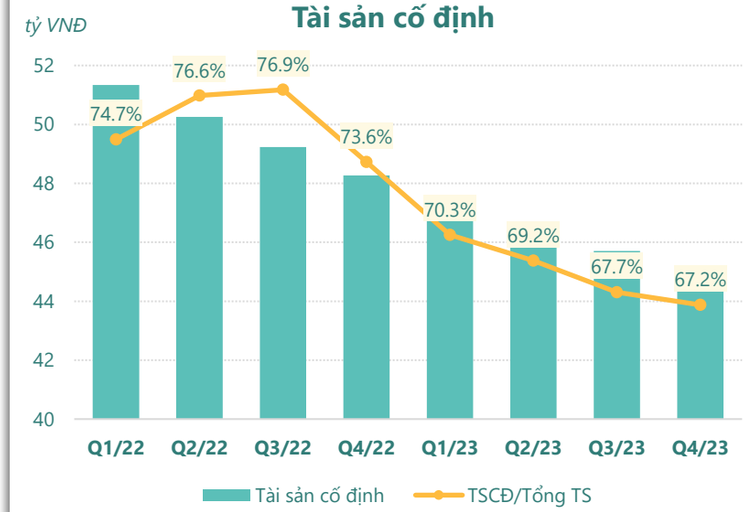
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



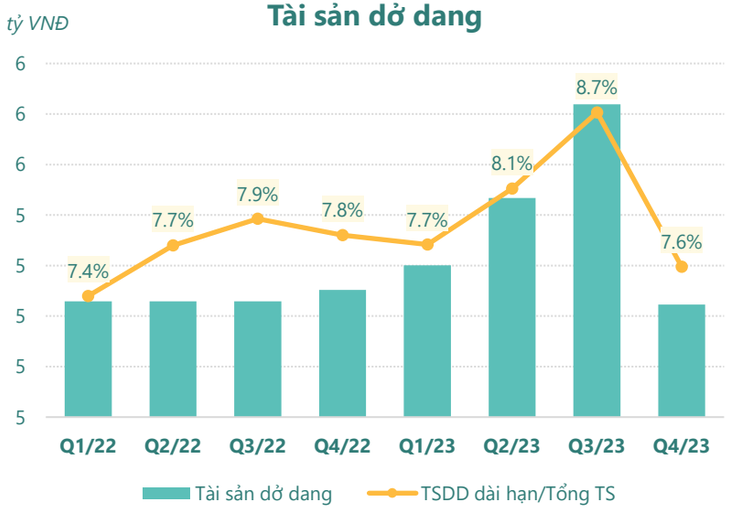
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



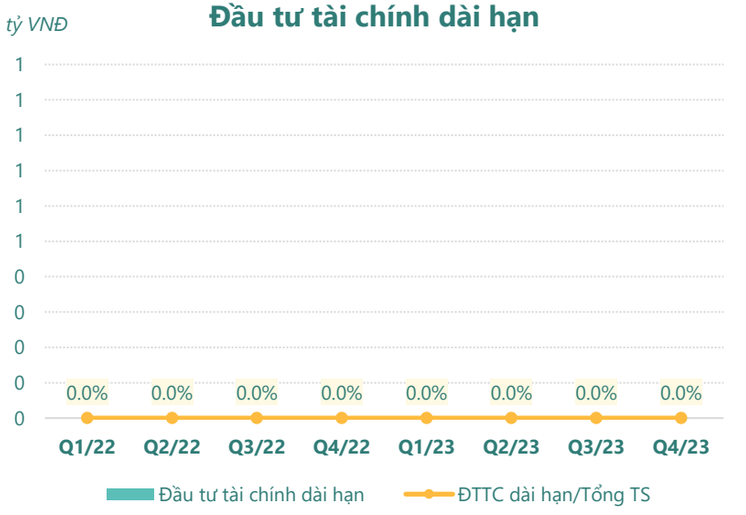
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



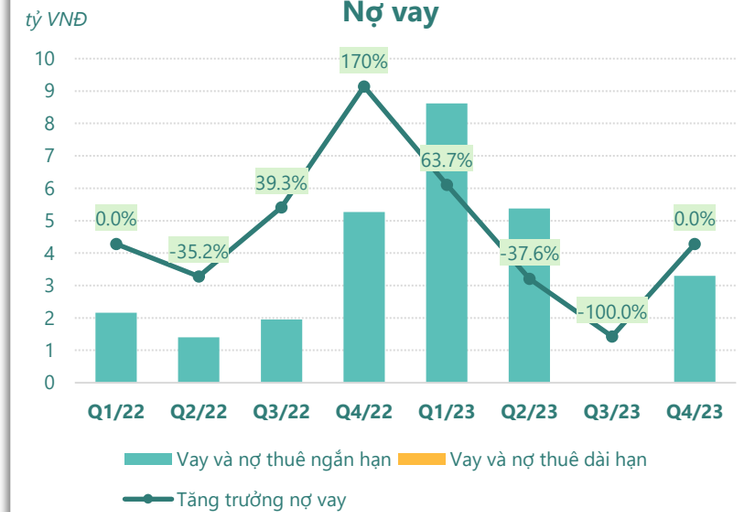
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

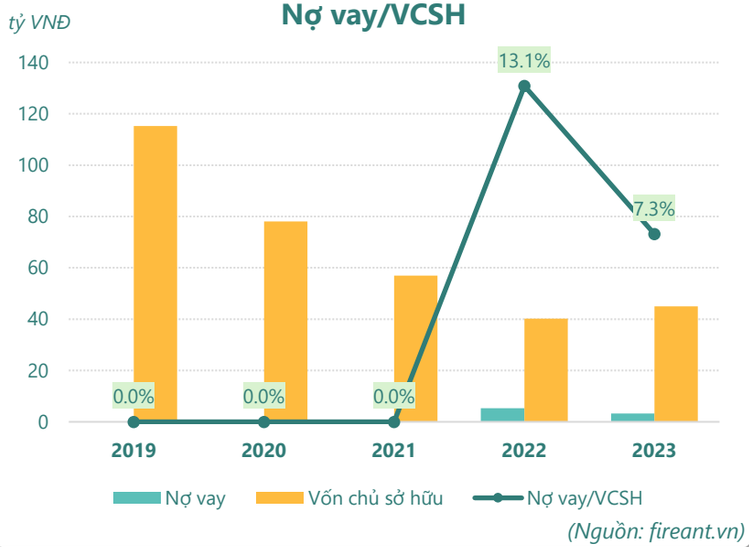
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

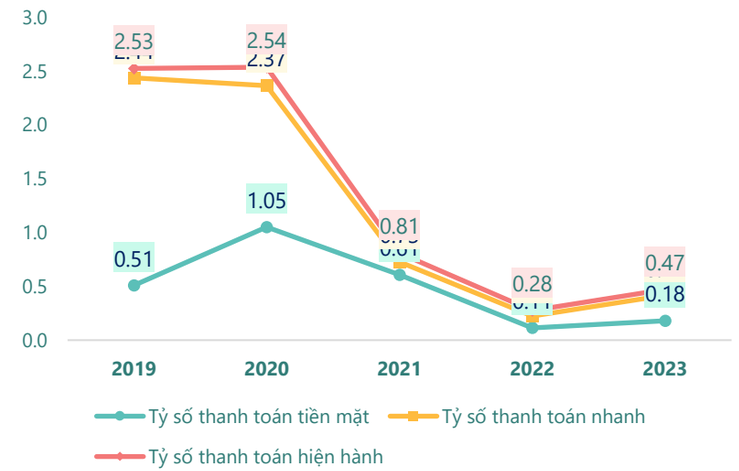
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



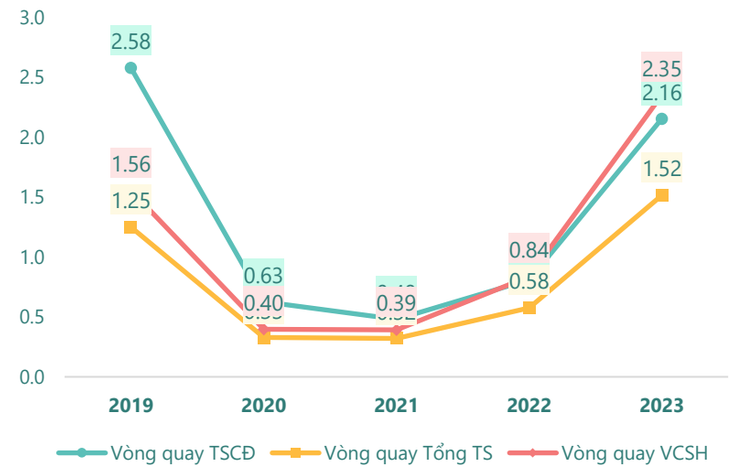
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



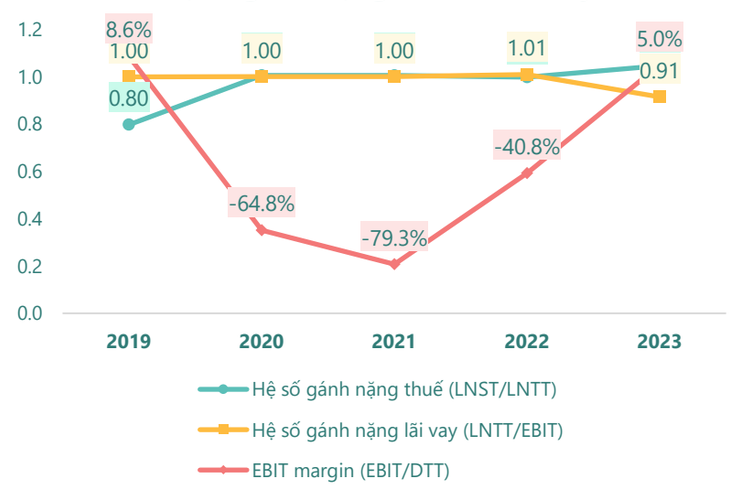
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



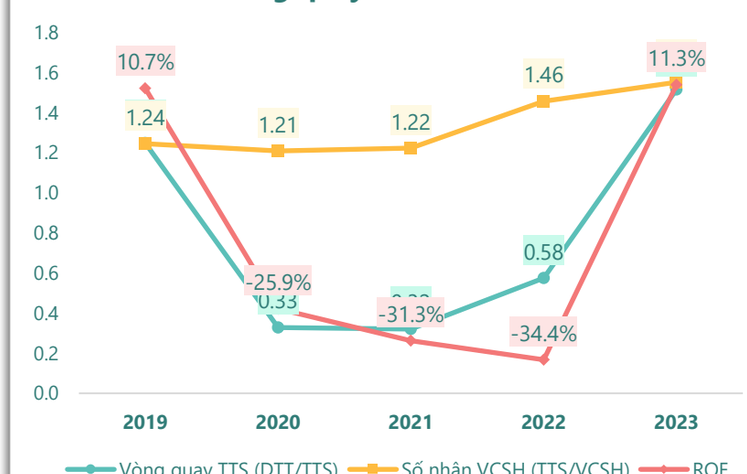
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



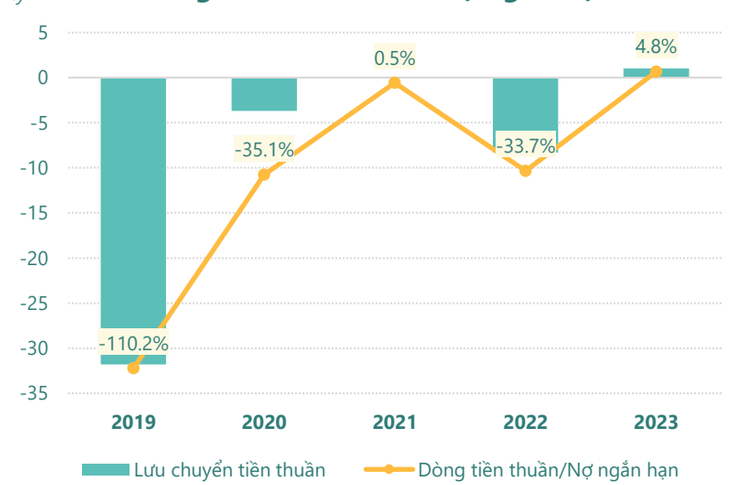
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.9**	**11.6**	**106%**	**100**	**40.7**	**146%**
Giá vốn hàng bán	17.0	12.9	31.6%	72.6	45.7	58.7%
Lợi nhuận gộp	6.89	-1.22	665%	27.7	-5.00	654%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.00		0.10	0.08	36.2%
Chi phí TC	0.06	0.09	-38.5%	0.45	0.17	169%
Chi phí lãi vay	0.05	0.09	-43.1%	0.43	0.16	164%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.17	0.96	126%	8.84	2.34	278%
Chi phí QLDN	**3.73**	**2.26**	**65.1%**	**13.6**	**9.51**	**42.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.98	-4.54	122%	4.96	-16.9	129%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**0.20**	**-116%**	**-0.36**	**0.18**	**-299%**
LN trước thuế	0.95	-4.34	122%	4.60	-16.8	127%
Lợi nhuận sau thuế	**1.06**	**-4.17**	**125%**	**4.81**	**-16.7**	**129%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.06**	**-4.17**	**125%**	**4.81**	**-16.7**	**129%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.72	-2.38	-2.68	5.55	7.07	-4.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.90	-2.92	-0.19	-0.40	-1.84	-0.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.55	6.11	3.35	-3.24	-5.37	3.29
Tiền đầu kỳ	2.25	1.98	2.80	3.28	5.18	5.03
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.27**	**0.82**	**0.48**	**1.90**	**-0.15**	**-1.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	1.98	2.80	3.28	5.18	5.03	3.83

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**66.7**	**65.6**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	9.95	6.79	46.6%
Tiền và tương đương tiền	3.83	2.80	36.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.37	2.29	91.4%
Hàng tồn kho	1.14	1.26	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	0.45	36.7%
Tài sản dài hạn	**56.7**	**58.9**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	44.8	48.3	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.05	5.10	-1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.90**	**5.49**	**25.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.7	25.4	-14.8%
Nợ ngắn hạn	**21.1**	**24.7**	**-14.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.29	5.26	-37.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.67	4.25	10.0%
Nợ dài hạn	0.52	0.75	-30.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**45.0**	**40.2**	**12.0%**
Vốn chủ sở hữu	**45.0**	**40.2**	**12.0%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)